

UBND TỈNH KON TUM
SỞ NỘI VỤ

Số: 1231 /QĐ-SNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 02 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 07 tháng 03 năm 2025, Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 13 tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tạm cấp kinh phí hoạt động thường xuyên tháng 3 năm 2025; Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 4 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc bổ sung kinh phí cho Sở Nội vụ; Quyết định số 236/QĐ-UBND 17 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chi tiết dự toán chi thường xuyên năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 17 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán các đơn vị năm 2025; Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 18 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc hỗ trợ kinh phí cho Ban Liên lạc tù chính trị tỉnh và Sở Nội vụ năm 2025; Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc bổ sung kinh phí cho Sở Nội vụ; Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc bổ sung kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ (đợt 1); Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thu hồi kinh phí tạm cấp các đơn vị năm 2025; Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 05 tháng 05 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chi tiết dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương và chi tiết kế hoạch đầu tư vốn đối ứng từ ngân sách địa phương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc bổ sung kinh phí phục vụ sắp xếp đơn vị hành chính (đợt 1);

Căn cứ Thông báo số 64/STC-QLNS ngày 11 tháng 03 năm 2025, Thông báo số 70/STC-QLNS ngày 17 tháng 03 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum thông báo tạm cấp dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Thông báo số 83/STC-QLNS ngày 4 tháng 4 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum thông báo bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Thông báo số 103/STC-QLNS ngày 21 tháng 04 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum thông báo dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Thông báo số 116/STC-QLNS ngày 26 tháng 04 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum thông báo dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Thông báo số 140/STC-QLNS ngày 08 tháng 05 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum thông báo thu hồi tạm cấp ngân sách nhà nước năm 2025; Thông báo số 141/STC-QLNS ngày 08 tháng 05 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum thông báo dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Thông báo số 152/STC-QLNS ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum thông báo dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Sở Nội vụ (Biểu số 01, 02 đính kèm).

Điều 2. Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- CBCC, NLĐ Sở;
- Trang TTĐT Sở Nội vụ (dăng tin);
- Lưu: VT, HCTH.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Sỹ Chung

Sở Nội vụ - Chương: 435

Phụ lục số 01

CÔNG BỐ, CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-SNV ngày /5/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum)

STT	Nội dung	Lệ phí			Xử phạt hành chính		Chi tiết theo đơn vị thuộc, trực thuộc	
		Dự toán thu 2025	Phần nộp NSNN (100%)	NSNN hỗ trợ chi phí đảm bảo cho hoạt động thu lệ phí tại đơn vị	Dự toán thu	Dự toán chi phục vụ công tác XPVPHC, thu hồi qua thanh tra	Văn phòng Sở(Mã ĐVQHNS: 1037644)	Trung tâm lưu trữ lịch sử và Dịch vụ việc làm
A	DỰ TOÁN THU PHÍ - LỆ PHÍ	6	6	0	0	0	6	0
1	Lệ phí	6	6	0	0	0	6	0
-	Lệ phí cấp giấy phép LĐ cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Kon Tum	6	6		0		6	
B	DỰ TOÁN THU, CHI XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH; THU HỒI PHÁT HIỆN QUA CÔNG TÁC THANH TRA	0	0	0	8	6	8	0
-	Thu nguồn xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực khác				8	6	8	0
	Tổng cộng	6	6		8	6	14	0

CÔNG BỐ, CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-SNV ngày /5/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum)

Stt	Nội dung	Loại - khoản	Mã nguồn NS	Mã CTMTQG	Dự toán chi NSNN					Chi tiết theo đơn vị thuộc, trực thuộc	
					Tổng dự toán	Dự toán tạm cấp	Dự toán thu hồi tạm cấp	Dự toán giảm trừ 2% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN	Dự toán được sử dụng	Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum	Trung tâm lưu trữ lịch sử và Dịch vụ việc làm
	A	B	C	D	1	2	3	4	5=1-2-3-4	5a	5b
	Mã ĐVQHNS									1037644	1134773
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước nguồn cân đối NSDP				40,859.4	2,655	(2,655)	(28)	40,831.4	35,624.0	5,207
I	Chi quản lý hành chính				25,846	1,444	(1,444)	0	25,846	25,846	0
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	340-341			13,007	1,444	(1,444)	0	13,007	13,007	0
-	Chi bộ máy quản lý hành chính		13		8,560	1,444	(1,444)		8,560	8,560	
-	Chi bổ sung thực hiện CCLT từ 1.490.000đ lên 2.340.000đ		13		3,708				3,708	3,708	
-	Quỹ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP của Chính phủ		18		739				739	739	0
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	340-341	12		12,839	0	0	0	12,839	12,839	0
-	KP hoạt động triển khai, kiểm tra CCHC				551				551	551	0
	+ Kinh phí hoạt động BCD, đoàn kiểm tra LN CCHC				382				382	382	
	+ KP khảo sát 02 dịch vụ hành chính công				70				70	70	
	+ Kinh phí vận hành, thuê cơ sở hạ tầng phần mềm chấm điểm CCHC				99				99	99	
-	KP triển khai tuyển dụng và nâng ngạch				19				19	19	
-	Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với thanh niên				27				27	27	
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình phối hợp đi kiểm tra cơ sở giữa Ban cán sự đảng và Ban Dân quận				63				63	63	
-	Thuê phần mềm quản lý CBCC				545				545	545	
-	Kinh phí thực hiện Đề án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử (tài liệu 1991-2013) và triển khai Hệ thống quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử tỉnh Kon Tum				3,746				3,746	3,746	
-	Kinh phí mua thẻ và vật tư in thẻ CBCC				24				24	24	
-	Kinh phí triển khai công tác đầu thầu các lớp đào tạo bồi dưỡng năm 2025				18				18	18	

Stt	Nội dung	Loại - khoản	Mã nguồn NS	Mã CTMTQ G	Dự toán chi NSNN					Chi tiết theo đơn vị thuộc, trực thuộc	
					Tổng dự toán	Dự toán tạm cấp	Dự toán thu hồi tạm cấp	Dự toán giảm trừ 2% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN	Dự toán được sử dụng	Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum	Trung tâm lưu trữ lịch sử và Dịch vụ việc làm
	A	B	C	D	1	2	3	4	5=1-2-3-4	5a	5b
-	Kinh phí Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Kon Tum lần thứ IX, giai đoạn 2025-2030				689				689	689	
-	KP bình đẳng giới, hoạt động ban vì sự tiến bộ phụ nữ				778				778	778	
-	Kinh phí kiểm tra giám sát theo Chương trình, nhiệm vụ, chủ trương được cấp thẩm quyền giao				180				180	180	
-	Kinh phí Tổ chức lễ kỷ niệm 80 năm thành lập ngành, các hoạt động kỷ niệm ngành, hội thao ngành...				48				48	48	
-	Kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hìn hình dân vận khéo				34				34	34	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ (đợt 1)				6,013.3				6,013.3	6,013.3	
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính				104.0				104.0	104.0	
II	Chi sự nghiệp kinh tế				6,099	287	(287)	(28)	6,071	1,235	4,836
1	Chi bộ máy sự nghiệp	280-338	12		2,360	287	(287)	(28)	2,332	0	2,332
-	Chi hoạt động thường xuyên bộ máy theo định mức				1,391	287	(287)	(28)	1,363		1,363
-	Chi bổ sung thực hiện CCLT từ 1.490.000đ lên 2.340.000đ				820				820		820
-	Quỹ tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ				149				149		149
2	Chi hoạt động sự nghiệp kinh tế	280-338	12		3,739	0	0	0	3,739	1,235	2,504
-	Kinh phí quản lý, bảo quản, xử lý mỗi một, kho lưu trữ lịch sử tỉnh				390				390		390
-	Kinh phí học tập kinh nghiệm về công tác lưu trữ				30				30		30
-	Công tác địa giới hành chính				1,235				1,235	1,235	0
	+ KP triển khai dự án hoàn hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính.				1,127				1,127	1,127	
	+ Chi phục vụ quản lý công tác địa giới hành chính				108				108	108	
-	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ (đợt 1)				2,084.4				2,084.4		2,084.4
III	Quỹ Khen thưởng	340-429	12		4,790	785	(785)	-	4,790	4,790	0

Stt	Nội dung	Loại - khoản	Mã nguồn NS	Mã CTMTQ G	Dự toán chi NSNN					Chi tiết theo đơn vị thuộc, trực thuộc	
					Tổng dự toán	Dự toán tạm cấp	Dự toán thu hồi tạm cấp	Dự toán giảm trừ 2% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN	Dự toán được sử dụng	Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum	Trung tâm lưu trữ lịch sử và Dịch vụ việc làm
	A	B	C	D	1	2	3	4	5=1-2-3-4	5a	5b
-	Khen thưởng theo các quyết định của UBND tỉnh				4,385	785	(785)	-	4,385	4,385	
-	Kinh phí mua vật tư khen thưởng				270				270	270	
-	Kinh phí triển khai công tác thi đua hoạt động của hội đồng thi đua khen thưởng				135				135	135	
IV	Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội				3,123.7	138.5	(138.5)	0.0	3,123.7	2,752.7	371.0
1	Kinh phí thực hiện chính sách người có công, an sinh xã hội	370-398	12		2,107.7	13.5	(13.5)	0.0	2,107.7	2,107.7	0.0
-	Thăm hỏi tặng quà đối tượng chính sách NCC				150	13.5	(13.5)		150	150	
-	Đưa đối tượng đi thăm lăng Bác				820				820	820	
-	Đưa đ.tượng NCC đi biểu dương				50				50	50	
-	Đưa đối tượng NCC đi điều dưỡng				562				562	562	
-	Đưa đoàn đại biểu gặp mặt, tri ân đại diện chiến sỹ cách mạng bị địch tù đày đi dự lễ Kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng Côn Đảo				7.7				7.7	7.7	
-	Kinh phí tổ chức Đoàn công tác đến thăm Thành phố Hồ Chí Minh và tham dự Lễ kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước				295.0				295.0	295.0	
-	Kinh phí tổ chức Chương trình gặp mặt, tri ân các chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đày, cựu chiến binh, cựu thanh niên xung phong, các gia đình chính sách, người có công với cách mạng nhân kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025)				223				223	223	
2	Chi đảm bảo xã hội khác	370-398	12		1,016	125.0	(125.0)	0	1,016	645	371
-	Tháng an toàn vệ sinh lao động				63				63	63	
-	Thu thập thông tin cung, cầu lao động				45				45	45	
-	Kinh phí thực hiện đoàn ra đoàn vào				41				41	41	
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của ngành				240	99	(99)		240	240	
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện công việc quản trang, tạp vụ, phục vụ tại Nhà khách tiếp đón thân nhân liệt sĩ				256	26	(26)		256	256	
-	Tổ chức Ngày việc làm, các phiên giao dịch việc làm lưu động, các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm tại cơ sở				250				250		250

Stt	Nội dung	Loại - khoản	Mã nguồn NS	Mã CTMTQ G	Dự toán chi NSNN					Chi tiết theo đơn vị thuộc, trực thuộc	
					Tổng dự toán	Dự toán tạm cấp	Dự toán thu hồi tạm cấp	Dự toán giảm trừ 2% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN	Dự toán được sử dụng	Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum	Trung tâm lưu trữ lịch sử và Dịch vụ việc làm
	A	B	C	D	1	2	3	4	5=1-2-3-4	5a	5b
	Trong đó gắn mã đối ứng Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)			20474	10				10		10
	Trong đó gắn mã đối ứng Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững)			20474	35				35		35
-	Thu thập thông tin về nhu cầu tuyển dụng, sử dụng LĐ của các DN				40				40		40
	Trong đó gắn mã đối ứng Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững)			20474	40				40		40
-	Kinh phí tuyên truyền trên báo đài PTTH				81				81		81
V	Chi sự nghiệp đào tạo	070-085	12		1,000	0	0	0	1,000	1,000	0
-	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức				910				910	910	
	Trong đó gắn mã đối ứng Chương trình MTQG nông thôn mới			20498	418				418	418	
-	Chi công tác quản lý đào tạo				90				90	90	
B	Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025				1,159				1,159	0	1,159
1	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững				1,159				1,159	0	1,159
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	280-338	12	10474	412				412		412
-	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	280-338	12	10474	747				747		747
C	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025				2,004	0	0	0	2,004	740	1,264
1	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				1,875	0	0	0	1,875	611	1,264
-	- Tiểu dự án 2: Đào tạo tiếng dân tộc thiểu số; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	070-085	12	10515	611				611	611	

Stt	Nội dung	Loại - khoản	Mã nguồn NS	Mã CTMTQ G	Dự toán chi NSNN					Chi tiết theo đơn vị thuộc, trực thuộc	
					Tổng dự toán	Dự toán tạm cấp	Dự toán thu hồi tạm cấp	Dự toán giảm trừ 2% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN	Dự toán được sử dụng	Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum	Trung tâm lưu trữ lịch sử và Dịch vụ việc làm
	A	B	C	D	1	2	3	4	5=1-2-3-4	5a	5b
-	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	070-098	12	10515	1,264				1,264		1,264
2	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và MN. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	340-341	12	10521	129	0	0	0	129	129	0
-	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình				129				129	129	
	Tổng cộng				44,022.4	2,654.5	(2,654.5)	(28.0)	43,994.4	36,364.0	7,630.4